

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA X CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST

Ngày: 25-5-2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA X CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công;

Ông Trần Ngọc Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai G – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Chính sách X; địa chỉ: 169 phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp PT, xã PA, thị xã BC, tỉnh B D, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 9 năm 2020); có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thanh T, sinh năm 1965; nơi cư trú: ấp LK, xã LH, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp LK, xã LH, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp LK, xã LH, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2021 và quá trình tham gia tố tụng, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Chính sách X là ông Nguyễn Trường G trình bày:

Ngân hàng Chính sách xã hội cho ông Trần Thanh T vay bốn khoản tiền như sau:

Khoản vay thứ nhất: Căn cứ giấy đề nghị vay vốn chương trình Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn ngày 01 tháng 12 năm 2014 của ông Trần Thanh T, Tổ tiết kiệm và vay vốn ấp LK lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng Chính sách X (sau đây viết tắt là Ngân hàng) trình Ủy ban nhân dân xã LH phê duyệt. Theo giấy đề nghị vay vốn chương trình Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được Ngân hàng phê duyệt, ông Trần Thanh T vay số tiền là 11.000.000 đồng, mục đích vay để trang trải chi phí học tập; thời gian vay là 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng một lần, số tiền gốc mỗi kỳ: 1.800.000 đồng, lãi suất 0,6%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 0,78%/tháng ngày đến hạn khoản vay là 17 tháng 12 năm 2017. Khoản vay của ông Trần Thanh T không bảo đảm bằng tài sản, bởi vì, cho vay ủy thác qua Hội Nông dân xã LH. Sau khi được Ủy ban nhân dân xã LH phê duyệt, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách X thị xã Bến Cát đã giải ngân đầy đủ số tiền 11.000.000 đồng, ông T đã thực hiện việc rút vốn với số tiền 11.000.000 đồng thể hiện tại Sổ lưu từ rơi theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ ngày 17 tháng 12 năm 2014. Đối với số tiền này, ông Tùng đã thanh toán được 5.000.000 đồng tiền gốc. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên, ông T đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo quy định trong hợp đồng tín dụng về việc trả nợ vay, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc trực tiếp, đôn đốc, yêu cầu trả nợ nhưng ông T không thực hiện, vi phạm nghiêm trọng các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 25 tháng 5 năm 2021, ông T còn nợ Ngân hàng số tiền là 7.568.000 đồng, trong đó: trong đó nợ gốc là 6.000.000 đồng và nợ lãi là 1.568.000 đồng.

Khoản vay thứ hai: Căn cứ giấy đề nghị vay vốn chương trình Hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm ngày 05-9-2016 của ông Trần Thanh T, Tổ tiết kiệm và vay vốn LK lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng trình Ủy ban nhân dân xã LH phê duyệt. Theo giấy đề nghị vay vốn chương trình Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm được Ngân hàng phê duyệt, ông Trần Thanh T vay số tiền là 30.000.000 đồng, mục đích vay để nuôi heo; thời

gian vay là 36 tháng, trả gốc 06 tháng một lần; định kỳ trả gốc: 6 tháng/lần, số tiền mỗi lần là 5.000.000 đồng; lãi suất 0,55%/tháng và được trả hàng tháng, lãi suất nợ quá hạn là 0,715%/tháng. Khoản vay của ông Trần Thanh T không bảo đảm bằng tài sản, bởi vì, cho vay ủy thác qua Hội Nông dân xã LH. Sau khi được Ủy ban nhân dân xã LH phê duyệt, ngày 17 tháng 10 năm 2016, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách X thị xã Bến Cát đã giải ngân đầy đủ số tiền 30.000.000 đồng, ông T đã thực hiện việc rút vốn với số tiền 30.000.000 đồng thể hiện tại Sổ lưu từ rơi theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ ngày 17 tháng 10 năm 2016. Tính đến ngày 25 tháng 5 năm 2021, ông T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 35.919.000 đồng, trong đó: trong đó nợ gốc là 30.000.000 đồng và nợ lãi là 5.919.000 đồng.

Khoản vay thứ ba: Căn cứ giấy đề nghị vay vốn chương trình Hộ mới thoát nghèo ngày 18 tháng 12 năm 2016 của ông Trần Thanh T, Tổ tiết kiệm và vay vốn LK lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng trình Ủy ban nhân dân xã LH phê duyệt. Theo giấy đề nghị vay vốn chương trình Hộ mới thoát nghèo được Ngân hàng phê duyệt, ông Trần Thanh T vay số tiền là 50.000.000 đồng, mục đích vay để chăm sóc cao su; thời gian vay là 22 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, số tiền mỗi lần là 25.000.000 đồng, lãi suất 0,6875%/tháng và được trả hàng tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130%. Khoản vay của ông Trần Thanh T không bảo đảm bằng tài sản, bởi vì, cho vay ủy thác qua Hội Nông dân xã LH. Sau khi được Ủy ban nhân dân xã LH phê duyệt, ngày 17 tháng 01 năm 2017, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách X thị xã Bến Cát đã giải ngân đầy đủ số tiền 50.000.000 đồng, ông T đã thực hiện việc rút vốn với số tiền 50.000.000 đồng thể hiện tại Sổ lưu từ rơi theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ ngày 17 tháng 01 năm 2017. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên, ông T có giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 16 tháng 11 năm 2018, Ngân hàng đồng ý gia hạn nợ từ ngày 17 tháng 11 năm 2018 đến ngày 17 tháng 7 năm 2019. Tính đến ngày 25-5-2021, ông T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 62.730.000 đồng, trong đó: trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng và nợ lãi là 12.730.000 đồng.

Khoản vay thứ tư: Căn cứ giấy đề nghị vay vốn chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường ngày 16 tháng 3 năm 2017 của ông Trần Thanh T, Tổ tiết kiệm và vay vốn LK, xã LH, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng trình Ủy ban nhân dân xã LH phê duyệt. Theo giấy đề nghị vay vốn chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường được Ngân hàng phê duyệt, ông Trần Thanh T vay số tiền là 12.000.000 đồng, mục đích vay để sửa giếng, xây nhà vệ sinh; thời gian vay là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần; định kỳ trả gốc: 06 tháng/lần, số tiền gốc mỗi kỳ là 1.200.000 đồng, số tiền gốc kỳ cuối là 1.200.000 đồng; lãi suất vay là 0,75%/tháng, lãi suất

nợ quá hạn là 130%. Khoản vay của ông Trần Thanh T không bảo đảm bằng tài sản, bởi vì, cho vay ủy thác qua Hội Nông dân xã LH. Sau khi được Ủy ban nhân dân xã LH phê duyệt, ngày 17 tháng 4 năm 2017, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách X thị xã Bến Cát đã giải ngân đầy đủ số tiền 12.000.000 đồng, ông T đã thực hiện việc rút vốn với số tiền 12.000.000 đồng thể hiện tại Sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ ngày 17 tháng 4 năm 2017. Tính đến ngày 25 tháng 5 năm 2021, ông T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 14.879.000 đồng, trong đó: trong đó nợ gốc là 12.000.000 đồng và nợ lãi là 2.879.000 đồng.

Đối với bốn khoản vay nêu trên, Ngân hàng đã phối hợp với chính quyền địa phương lập biên bản và xử lý nhiều lần nhưng ông T không phối hợp, không đồng ý trả nợ. Vì vậy, nhận thấy, ông Trần Thanh T đã vi phạm nghĩa vụ tại các hợp đồng tín dụng nêu trên, các khoản vay đã chuyển nợ quá hạn. Nay, Ngân hàng Chính sách X khởi kiện yêu cầu ông Trần Thanh T trả số tiền 121.096.000 đồng; nợ gốc là 98.000.000 đồng, nợ lãi là 23.096.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ sau ngày 26 tháng 5 năm 2021 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã ghi nhận được ý kiến của bị đơn ông Trần Thanh T tại biên bản làm việc ngày 23 tháng 02 năm 2021 như sau:

Ông Trần Thanh T thống nhất việc đề nghị vay vốn đối với khoản vay theo Chương trình Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để trang trải chi phí học tập cho con trai là anh Trần Thanh Phong với số tiền vay là 11.000.000 đồng, thời gian vay là 54 tháng, lãi suất 0,6%/tháng, ngày đến hạn khoản vay là 17 tháng 6 năm 2019; khoản vay theo Chương trình Hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm để nuôi heo với số tiền vay là 30.000.000 đồng, thời gian vay là 36 tháng, lãi suất là 0.55%/tháng, ngày đến hạn khoản vay là 17 tháng 10 năm 2019; khoản vay theo Chương trình Hộ mới thoát nghèo để chăm sóc cao su với số tiền vay là 50.000.000 đồng, thời gian vay là 22 tháng; lãi suất vay là 0,6875%/tháng, ngày đến hạn khoản vay là ngày 17 tháng 11 năm 2018; khoản vay theo Chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường với số tiền vay là 12.000.000 đồng, thời gian cho vay là 60 tháng; lãi suất 0,75%/tháng, ngày đến hạn khoản vay là 17 tháng 4 năm 2022. Các khoản vay của ông T không có tài sản đảm bảo, bởi vì, cho vay ủy thác qua Hội Nông dân xã LH. Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, ông T đã nhận đủ tổng số tiền của bốn khoản vay là 103.000.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng được một khoản tiền tiền gốc và tiền lãi nhưng ông T không nhớ rõ. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán số tiền gốc còn nợ và số tiền lãi theo từng khoản vay nêu trên thì ông T chỉ đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc. Tuy nhiên, do hoàn

cảnh gia đình khó khăn nên ông T đề nghị Ngân hàng cho ông T thanh toán tiền gốc mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Trọng T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Trọng T1.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Trần Thanh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Trọng T1 vắng mặt, không cung cấp bất kỳ tài liệu chứng cứ nào liên quan đến vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Chính sách X khởi kiện yêu cầu ông Trần Thanh T thanh toán số tiền 121.096.000 đồng, gồm nợ gốc là 98.000.000 đồng, nợ lãi là 23.096.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ sau ngày 25 tháng 5 năm 2021 cho đến khi thanh toán hết nợ theo thỏa thuận tại các giấy đề nghị vay vốn chương trình Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn ngày 01 tháng 12 năm 2014; giấy đề nghị vay vốn chương trình Hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm ngày 05 tháng 9 năm 2016; giấy đề nghị vay vốn chương

trình Hộ mới thoát nghèo ngày 18 tháng 12 năm 2016 và giấy đề nghị vay vốn chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường ngày 16 tháng 3 năm 2017 nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Trần Thanh T có nơi cư trú tại ấp LK, xã LH, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn ông Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, ông Nguyễn Trọng T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Các giấy đề nghị vay vốn chương trình Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn ngày 01 tháng 12 năm 2014; giấy đề nghị vay vốn chương trình Hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm ngày 05 tháng 9 năm 2016; giấy đề nghị vay vốn chương trình Hộ mới thoát nghèo ngày 18 tháng 12 năm 2016 và giấy đề nghị vay vốn chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường ngày 16 tháng 3 năm 2017 do các bên có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với các Điều 90, Điều 91, khoản 4 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng, phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Cụ thể từng khoản vay các bên thỏa thuận như sau:

Theo giấy đề nghị vay vốn chương trình Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn ngày 01 tháng 12 năm 2014 của ông Trần Thanh T vay vốn Ngân hàng Chính sách Xã hội số tiền là 11.000.000 đồng, mục đích vay để trang trải chi phí học tập; thời gian vay là 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng một lần, số tiền gốc mỗi kỳ: 1.800.000 đồng, lãi suất 0,6%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 0,78%/tháng ngày đến hạn khoản vay là 17 tháng 12 năm 2017. Ông Tùng đã thanh toán được 5.000.000 đồng tiền gốc. Do ông Tùng vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông Tùng thanh toán đến ngày 25 tháng 5 năm 2021 số tiền là

7.568.000 đồng, trong đó: trong đó nợ gốc là 6.000.000 đồng và nợ lãi là 1.568.000 đồng.

Theo giấy đề nghị vay vốn chương trình Hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm ngày 05 tháng 9 năm 2016 của ông Trần Thanh T vay Ngân hàng số tiền là 30.000.000 đồng, mục đích vay để nuôi heo; thời gian vay là 36 tháng, trả gốc 06 tháng một lần; định kỳ trả gốc: 6 tháng/lần, số tiền mỗi lần là 5.000.000 đồng; lãi suất 0,55%/tháng và được trả hàng tháng, lãi suất nợ quá hạn là 0,715%/tháng. Ông Trần Thanh Tùng vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng chính sách yêu cầu ông Tùng trả số tiền đến ngày 25 tháng 5 năm 2021 số tiền là 35.919.000 đồng, trong đó: trong đó nợ gốc là 30.000.000 đồng và nợ lãi là 5.919.000 đồng.

Theo giấy đề nghị vay vốn chương trình Hộ mới thoát nghèo ngày 18 tháng 12 năm 2016 của ông Trần Thanh T vay Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay để chăm sóc cao su; thời gian vay là 22 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, số tiền mỗi lần là 25.000.000 đồng, lãi suất 0,6875%/tháng và được trả hàng tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130%. Ông Trần Thanh Tùng vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng chính sách yêu cầu ông Tùng trả số tiền tính đến ngày 25 tháng 5 năm 2021 là 62.730.000 đồng, trong đó: trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng và nợ lãi là 12.730.000 đồng.

Theo giấy đề nghị vay vốn chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường ngày 16 tháng 3 năm 2017 của ông Trần Thanh T vay số tiền là 11.000.000 đồng, mục đích vay để sửa giếng, xây nhà vệ sinh; thời gian vay là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần; định kỳ trả gốc: 06 tháng/lần, số tiền gốc mỗi kỳ là 1.200.000 đồng, số tiền gốc kỳ cuối là 1.200.000 đồng; lãi suất vay là 0,75%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130%. Ông Trần Thanh Tùng vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng chính sách yêu cầu ông Tùng trả số tiền tính đến ngày 25 tháng 5 năm 2021 là 14.879.000 đồng, trong đó: trong đó nợ gốc là 12.000.000 đồng và nợ lãi là 2.879.000 đồng.

Như vậy, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền 121.096.000 đồng; nợ gốc là 98.000.000 đồng, nợ lãi là 23.096.000 đồng, ông T thừa nhận nhưng chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc theo yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu được trả 500.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ. Xét thấy, bị đơn ông T đã thừa nhận về số nợ và đồng ý trả nhưng không thống nhất về phương thức thanh toán và thanh toán lãi nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Ngân hàng yêu cầu ông T trả tiền lãi phát sinh theo các giấy đề nghị vay vốn chương trình Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn ngày 01 tháng 12

năm 2014; giấy đề nghị vay vốn chương trình Hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm ngày 05 tháng 9 năm 2016; giấy đề nghị vay vốn chương trình Hộ mới thoát nghèo ngày 18 tháng 12 năm 2016 và giấy đề nghị vay vốn chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường ngày 16 tháng 3 năm 2017 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Xét, yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp nội dung “...kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay” quy định tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật và về nội dung vụ án là phù hợp.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách X đối với bị đơn ông Trần Thanh T về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Trần Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho đơn Ngân hàng Chính sách X số tiền 121.096.000 (một trăm hai mươi một triệu không trăm chín mươi sáu nghìn) đồng, gồm: nợ gốc là 98.000.000 (chín mươi tám triệu) đồng, nợ lãi là 23.096.000 (hai mươi ba triệu không trăm chín mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Thanh Tùng còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị vay vốn chương trình Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn ngày 01 tháng 12 năm 2014; giấy đề nghị vay vốn chương trình Hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm ngày 05 tháng 9 năm 2016; giấy đề nghị vay vốn chương trình Hộ mới thoát nghèo ngày 18 tháng 12 năm 2016 và giấy đề nghị vay vốn chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường ngày 16 tháng 3 năm 2017 đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong giấy đề nghị vay vốn, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Ông Trần Thanh T phải chịu 6.054.800 (sáu triệu không trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Chính sách xã hội không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Bàu Bàng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Đương sự;
- Công Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Đăng Khoa